

Bản án số: **455/2021/HS-PT**
Ngày: 15/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 497/2020/HSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1978; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Đội 8, Thôn N, xã N, huyện T1, H; nghề nghiệp: Làm đồ mỹ nghệ; trình độ văn hóa: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Nguyễn Hữu S (Đã chết); họ tên mẹ: Lương Thị T2; họ tên chồng: Lê Duy T3; có 04 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2019; đến ngày 20/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16h45 ngày 16/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H phối hợp công an xã N kiểm tra nhân hộ khẩu gia đình ông Lê Duy T3, sinh năm 1975; trú tại: Đội 8 thôn N, xã N, T1, H thấy gia đình nhà ông T3 đang xây nhà giai đoạn hoàn thiện nên toàn bộ gia đình ông T3 sinh sống tại nhà bà Lương Thị T2, sinh

năm 1953; trú tại: Đội 8 thôn N, xã N, T1, H là mẹ vợ sát nhà ông T3. Cơ quan công an kiểm tra nơi ở của gia đình ông T3 bên hộ gia đình nhà bà T2 xác định sự có mặt của ông T3, Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; trú tại: Đội 8 thôn N, xã N, T1, H; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992; trú tại: Đội 9 thôn N, xã N, T1, H là em gái ruột T đang ngồi tại nhà. Trong quá trình kiểm tra, tổ công tác đã phát hiện tại khu bếp giáp ranh giữa nhà bà T2 và ông T3 có 09 bao tải dứa, kiểm tra các bao tải thấy có các mẫu vật hình trụ tròn màu trắng nghi là ngà voi, ông T3 cho biết 09 bao tải trên là của Nguyễn Thị T đưa về, đồng thời Nguyễn Thị T khai bên trong các bao tải này là ngà voi. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và tạm giữ, niêm phong số hàng trên. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị T. Kết quả phát hiện tại gầm bếp nấu ăn ở gian bếp của bà Lương Thị T2 (*nhà T đang ở nhờ và sử dụng sinh hoạt hàng ngày*) phát hiện 01 thùng giấy cát tông, bên trong thùng có các mẫu vật hình hạt tròn, hình que, hình vòng có kích thước khác nhau màu trắng nghi là ngà voi. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản tạm giữ, niêm phong số mẫu vật thu giữ được nêu trên và đưa Nguyễn Thị T về cơ quan điều tra để làm rõ sự việc.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T khai nhận: T làm nghề thủ công mỹ nghệ sản xuất đồ gỗ nên trong nhà có sẵn máy móc để sản xuất. Khoảng đầu tháng 12/2019 có một người đàn ông tên G (T không biết rõ nhân thân lai lịch của G) đến nhà thuê T làm gia công hàng mỹ nghệ bằng ngà voi với tiền công 1.000 đồng/01 viên tròn, vòng tròn 3.000 đồng/chiếc, 4.000 đồng/01 đôi dũa, G cung cấp nguyên liệu là ngà voi cho T và thỏa thuận khi nào T làm được hàng G đến lấy thì thanh toán tiền công. Sau khi thống nhất, G đi ô tô chở 09 bao tải dứa màu nâu vàng chứa ngà voi và các mẫu vật là ngà voi có hình hạt tròn, que, vòng được chứa trong 01 thùng cát tông để làm mẫu cho T sản xuất. Sau khi nhận ngà voi và mẫu của G, T mang cất giấu tại khu vực bếp nhà bà Lương Thị T2 (*mẹ đẻ T*), do thời gian này nhà T đang xây nhà chưa hoàn thiện nên cả gia đình T sang ở tại nhà bà T2, T chưa gia công được hàng cho G nên chưa nhận được tiền công của G. T khai toàn bộ việc giao dịch với G, nhận ngà voi từ G, chồng T là Lê Văn T3 không biết, không tham gia.

Quá trình điều tra xác định ông Lê Văn T3 (*chồng T*) và Nguyễn Thị H1 (*em gái T*), bà Lương Thị T2 không biết và không tham gia cùng với T tàng trữ số ngà voi trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Bản Kết luận giám định số 8509/KLGD-PC09 ngày 31/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - CATP kết luận:

- Các vật hình trụ tròn chứa trong 09 bao tải dứa màu nâu vàng có khối lượng 202 kg.

- Các mẫu vật hình tròn, hình que, hình hạt tròn màu trắng ngà được chứa trong 01 thùng cát tông có khối lượng 13 kg. Tổng khối lượng các mẫu vật thu giữ là 215 kg.

Tại Bản Kết luận giám định động vật số 1101/STTNSV ngày 31/12/2019 của Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật thuộc Viện khoa học hàn lâm Việt Nam kết luận:

1. Toàn bộ mẫu vật có hình trụ tròn, kích thước khác nhau màu trắng ngà được đựng trong 01 thùng giấy cát tông đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị T trên giấy niêm phong là các sản phẩm được làm từ ngà của loài Voi. Kết quả phân tích ADN của 02 mẫu sản phẩm là làm được từ ngà loài Voi châu Phi có tên khoa học *Loxodonta africana*.

2. Toàn bộ mẫu vật có hình trụ tròn, kích thước khác nhau có màu trắng ngà được đựng trong 09 bao tải dứa đã được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị T trên giấy niêm phong là các khúc ngà của loài Voi. Kết quả phân tích ADN của 04 mẫu được cắt từ 04 khúc ngà Voi là ngà loài Voi châu Phi có tên khoa học *Loxodonta africana*.

3. Loài voi châu Phi *Loxodonta africana* thuộc phụ lục I, Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Đối với đối tượng tên G là người đã giao ngà voi và thuê Nguyễn Thị T chế tác, Nguyễn Thị T khai không biết lai lịch cụ thể. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã rà soát tại địa bàn xã N nhưng không xác định được đối tượng G nên không có căn cứ xác định và xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 497/2020/HSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Áp dụng điểm d khoản 3 điều 244; điểm s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 20/01/2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và quyết định mức hình phạt 11 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định khoa học hình sự. Đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thị T làm nghề thủ công mỹ nghệ đã có hành vi tàng trữ 215 kg gỗ voi là nguyên liệu để chế tác đồ mỹ nghệ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”, theo quy định tại điểm d khoản 3 điều 244 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù biết ngà voi là hàng hóa Nhà nước nghiêm cấm tàng trữ nhưng do hám lợi Nguyễn Thị T đã tàng trữ ngà voi Châu Phi thuộc danh mục loài nguy cấp quý hiếm thuộc Phụ lục 1 – Danh mục các loài động vật hoang dã của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp với mục đích chế tác đã xâm phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 11 năm tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị T xuất trình kết quả siêu âm thể hiện bị cáo đang mang thai 32 tuần; biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo là lao động chính, gia đình đông con, bốn con bị cáo còn nhỏ đang tuổi đi học; bố đẻ của bị cáo là ông Nguyễn Hữu S được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì và hạng Ba, bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động được hưởng trợ cấp hàng tháng là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị T là người có nhân thân tốt, sinh ra trong gia đình có công với nhà nước, là phụ nữ đang mang thai, tại cấp phúc thẩm được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 497/2020/HSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1. Áp dụng điểm d khoản 3 điều 244; điểm s, n khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị T **09** (chín) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án hình phạt, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến ngày 20/01/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận Nguyễn Thị T đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0062805 ngày 10/05/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Công an TP H;
- Sở Tư pháp TP H;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà